

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC MÔN TIN HỌC CĂN BẢN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHAN TRỌNG BÌNH*

TÓM TẮT

Bài viết đề cập thực trạng quản lý hoạt động (QLHD) học môn Tin học căn bản (THCB) của sinh viên (SV) Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM). Kết quả khảo sát cho thấy nhà trường đã làm tốt công tác quản lý hoạt động này. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng tồn tại một số hạn chế như quản lý cơ sở vật chất còn nhiều bất cập, việc sửa chữa và nâng cấp máy tính còn chưa kịp thời, quản lý hoạt động học tập ngoài giờ lên lớp của SV hay việc phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong QLHD học của SV cũng gặp rất nhiều trở ngại.

Từ khóa: quản lý giáo dục, quản lý hoạt động học, tin học căn bản, quản lý hoạt động học môn Tin học căn bản.

ABSTRACT

The management of students' learning activities in Elementary Informatics module in Ho Chi Minh City University of Education

The article reports the reality of the management of students' learning activities in Elementary Informatics module in Ho Chi Minh City University of Education. Results of the survey show that the management of the university has done well in managing students' learning activities in Elementary Informatics module. However, there still exists several drawbacks including insufficient management system, untimely computer maintenance, inadequate management of students' extracurricular learning activities, or disadvantages in cooperation between different educational forces in managing students' learning activities.

Keywords: education management, management of learning activities, elementary informatics, management of students' learning activities in elementary informatics module.

1. Đặt vấn đề

Tin học căn bản là môn học đại cương bắt buộc dành cho SV tất cả các khoa và nằm trong chương trình khung đào tạo tín chỉ của Trường ĐHSP TPHCM. Vì vậy, việc quản lý dạy và học môn học này là hết sức cần thiết.

Quản lý hoạt động học môn THCB là sự tác động có mục đích của chủ thể

quản lý (hiệu trưởng, trưởng khoa, tổ trưởng, giảng viên (GV) Tin học, cán bộ...) đến hoạt động học của người học trong suốt quá trình dạy và học môn học THCB, để giúp quá trình dạy học đạt được các mục tiêu giáo dục đã đề ra.

Hiện nay, việc QLHD học môn THCB của SV còn nhiều khó khăn. Ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu

*ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

công tác QLHD học, một môn học cụ thể tại các trường đại học, còn khá ít. Đa số các công trình thường tập trung nghiên cứu việc quản lý hoạt động giảng dạy của GV hoặc QLHD học tập của SV. Riêng tại Trường ĐHSPTPHCM chưa có công trình nào nghiên cứu về QLHD học môn THCB của SV. Vì vậy, việc tiếp cận nghiên cứu thực trạng này để từ đó đề xuất những biện pháp thiết yếu giúp cho công tác QLHD học môn THCB của SV được tốt hơn là điều cần thiết.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Mẫu khách thể và phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu mức độ thực hiện và hiệu quả công tác QLHD học môn THCB của SV, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 47 cán bộ quản lý (CBQL) và GV giảng dạy môn THCB của trường; 451 SV đang học tại Trường ĐHSPTPHCM, thuộc 4 khối ngành Tự nhiên, Xã hội, Tin học, và khối Đặc thù. Khối Đặc thù bao gồm SV các khoa Tâm lý Giáo dục, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Đặc biệt.

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong đề tài này là phương pháp

nghiên cứu lí luận, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn và phương pháp thống kê toán học. Trong đó phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn là hai phương pháp chính.

Nội dung bảng hỏi bao gồm ba phần:

Phần A: Thông tin cá nhân.

Phần B: Tìm hiểu thực trạng việc QLHD học môn THCB của SV. Phần khảo sát thực trạng này bao gồm 6 nội dung chính sau:

1. Quản lý giáo dục mục đích, động cơ học môn THCB của SV.
2. Quản lý việc tổ chức, thực hiện hoạt động học môn THCB của SV.
3. QLHD học môn THCB của SV trên lớp, phòng LAB.
4. Quản lý hoạt động tự học môn THCB của SV.
5. Quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV.
6. Quản lý cơ sở vật chất phục vụ hoạt động học môn THCB của SV.

Phần C: Phần tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến công tác QLHD học môn THCB của SV.

Cách cho điểm:

Số điểm	Mức độ thực hiện	Hiệu quả công việc	Mức độ ảnh hưởng
1	Không bao giờ	Kém	Không ảnh hưởng
2	Ít khi	Yếu	Ít ảnh hưởng
3	Thỉnh thoảng	Trung bình	Trung bình
4	Thường xuyên	Khá	Nhiều
5	Rất thường xuyên	Tốt	Rất nhiều

Thang mức độ được quy đổi thành 5 mức như sau:

Điểm trung bình	Mức độ
1,0 - 1,49	Rất thấp
1,5 - 2,49	Thấp
2,5 - 3,49	Trung bình
3,5 - 4,49	Cao
4,5 - 5,0	Rất cao

Nhóm nghiên cứu cũng tiến hành phỏng vấn nhanh 2 CBQL, 4 GV giảng dạy, 16 SV từ năm thứ nhất đến năm thứ tư, đại diện cho 4 khối ngành để tìm hiểu thực trạng việc học môn THCB của SV và việc QLHD học môn này nhằm minh chứng thêm cho số liệu thu được từ bảng hỏi.

Số liệu được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS phiên bản 16.0.

2.2. Thực trạng quản lý hoạt động học môn THCB của sinh viên

2.2.1. Quản lý giáo dục mục đích, động cơ học môn THCB của SV (xem bảng 1)

Công tác quản lý giáo dục mục đích động cơ học tập cho SV là một trong những khâu quản lý đầu tiên trong QLHD học tập của người học. Nó bao gồm các công tác quản lý như xây dựng mục tiêu môn học, phổ biến mục đích, mục tiêu môn học đầu khóa, xây dựng chương trình khung môn học.

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV và SV về thực trạng quản lý giáo dục mục đích, động cơ học tập môn THCB của SV

STT	Nội dung quản lý	CBQL, GV		SV	
		Mức độ thực hiện	Hiệu quả công việc	Mức độ thực hiện	Hiệu quả công việc
1	Xây dựng mục tiêu môn học	3,40	3,72	3,01	3,32
2	Phổ biến mục đích, mục tiêu môn học đầu khóa	3,68	3,94	3,24	3,49
3	Xây dựng chương trình khung môn học	3,49	3,98	2,98	3,26
	ĐTB tổng	3,52	3,88	3,08	3,36

Số liệu chung ở bảng 1 cho thấy CBQL, GV và SV đều đánh giá mức độ thực hiện công tác quản lý việc học môn THCB của SV chỉ ở mức trung bình ($\text{ĐTB}_{\text{GV}} = 3,52$; $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 3,08$), tuy nhiên về hiệu quả công việc thì CBQL và GV đánh giá ở mức khá trong khi SV đánh giá ở mức trung bình ($\text{ĐTB}_{\text{GV}} = 3,88$; $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 3,36$). Đánh giá của CBQL và GV cao hơn so với đánh giá của SV và có sự chênh lệch khá lớn. Điều này có thể là do SV không trực tiếp tham gia tất cả các hoạt động này và chỉ đánh giá được một phần thông qua kế hoạch giảng dạy của GV, nội dung và phương pháp dạy và học môn học này.

Mức độ thực hiện và hiệu quả công tác quản lý “phổ biến mục đích, mục tiêu môn học đầu khóa” đều được CBQL, GV và SV đánh giá cao hơn so với việc “xây dựng mục tiêu môn học” và “xây dựng chương trình khung môn học”. Theo

đánh giá của CBQL và GV thì mức độ và hiệu quả thực hiện công tác quản lý việc “phổ biến mục đích, mục tiêu môn học đầu khóa” đạt mức khá ($\text{ĐTB} = 3,68$ và $3,94$), tuy nhiên theo đánh giá của SV thì chỉ đạt mức trung bình ($\text{ĐTB} = 3,24$ và $3,49$). Điều này cho thấy CBQL và GV nghĩ mình đã làm tốt công việc này, dù trên thực tế thì SV vẫn chưa tiếp nhận được hết hiệu quả của việc thực hiện công tác này.

2.4.2. Quản lý việc tổ chức, thực hiện hoạt động học môn THCB của SV (xem bảng 2)

Công tác quản lý việc tổ chức, thực hiện hoạt động học môn THCB của SV bao gồm các công tác như: xây dựng kế hoạch quản lý học tập; xây dựng đề cương theo từng tuần cụ thể; thực hiện việc đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy; điểm danh, quản lý số lượng SV trong giờ học.

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV và SV về thực trạng quản lý việc tổ chức thực hiện hoạt động học môn THCB của SV

STT	Nội dung quản lý	CBQL, GV		SV	
		Mức độ thực hiện	Hiệu quả công việc	Mức độ thực hiện	Hiệu quả công việc
1	Xây dựng kế hoạch quản lý học tập	3,11	3,61	3,05	3,37
2	Xây dựng đề cương theo từng tuần cụ thể	3,63	3,72	3,35	3,59
3	Đổi mới chương trình, phương pháp giảng dạy	3,26	3,52	2,83	3,28
4	Điểm danh, quản lý số lượng trong giờ học	3,45	3,59	3,07	3,45
	ĐTB tổng	3,36	3,61	3,08	3,42

Như vậy, trong công tác quản lý việc tổ chức, thực hiện các hoạt động học môn THCB của SV thì CBQL, GV và SV đều đánh giá mức độ thực hiện ở mức trung bình ($\text{ĐTB}_{\text{GV}} = 3,36$, $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 3,08$). Riêng hiệu quả công việc được CBQL và GV đánh giá ở mức độ khá, trong khi SV chỉ đánh giá ở mức trung bình ($\text{ĐTB}_{\text{GV}} = 3,61$, $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 3,42$). Như vậy, trong công tác này, CBQL và GV cũng đánh giá cao hơn so với đánh giá của SV.

Phân tích số liệu cụ thể theo tỉ lệ %, có thể thấy rõ hơn bức tranh thực trạng này. Có 27,7% GV, CBQL thường xuyên xây dựng kế hoạch quản lý, 57,4% thỉnh thoảng, 12,8% ít khi, và 2,1% không có kế hoạch quản lý. Về hiệu quả công tác này, tại đơn vị có 23,9% cán bộ đánh giá

là tốt và khá, 41,3% - trung bình, 10,9% - yếu. Trong việc quản lý công tác xây dựng đề cương theo từng tuần cụ thể cũng được GV thực hiện đầy đủ và các CBQL cũng không hề xem nhẹ công tác này. Cụ thể có 8,7% trong tổng số cán bộ được hỏi thực hiện rất thường xuyên, 52,2% cán bộ thực hiện thường xuyên, 34,8% cán bộ thực hiện ở mức độ thỉnh thoảng, và chỉ có 2 trong số 47 cán bộ không thực hiện công tác này và đó cũng là 2 CBQL không tham gia quản lý trực tiếp SV. Hiệu quả công việc được GV đánh giá theo tỉ lệ % lần lượt là: tốt 28,3%, khá 32,6%, trung bình 26,1%, yếu 8,7%, và kém là 4,3%.

2.4.3. *Quản lý hoạt động học môn THCB của SV trên lớp, phòng LAB (xem bảng 3)*

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng QLHD học môn THCB của SV trên lớp, phòng LAB

STT	Nội dung quản lý	CBQL, GV		SV	
		Mức độ thực hiện	Hiệu quả công việc	Mức độ thực hiện	Hiệu quả công việc
1	Theo dõi, quản lý việc học tập trên lớp	3,57	3,57	3,27	3,37
2	Phân nhóm, tổ chức thực hành	3,62	3,76	3,52	3,61
3	Hướng dẫn, đôn đốc SV trong giờ thực hành	3,62	3,63	3,31	3,41
4	Tạo môi trường học tập thân thiện giữa GV&SV	3,60	3,78	2,96	3,14
5	Tạo sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa SV&SV	3,49	3,74	3,10	3,35
	ĐTB tổng	3,58	3,70	3,23	3,38

Mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện việc QLHD học môn THCB của SV trên lớp, phòng LAB được CBQL và GV đánh giá ở mức độ cao và hiệu quả khá ($\text{ĐTB}_{\text{mức độ}} = 3,58$ và $\text{ĐTB}_{\text{hiệu quả}} = 3,70$), trong khi đó SV chỉ đánh giá ở mức trung bình ($\text{ĐTB}_{\text{mức độ}} = 3,23$ và $\text{ĐTB}_{\text{hiệu quả}} = 3,38$).

Trong việc theo dõi QLHD học môn THCB của SV trên lớp, phòng LAB được CBQL và GV đánh giá mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện ở mức cao ($\text{ĐTB}_{\text{mức độ}} = 3,57$ và $\text{ĐTB}_{\text{hiệu quả}} = 3,57$), trong khi đó SV chỉ đánh giá ở mức trung bình ($\text{ĐTB}_{\text{mức độ}} = 3,27$ và $\text{ĐTB}_{\text{hiệu quả}} = 3,37$). Ngoài ra, kết quả đánh giá của CBQL, GV trong việc hướng dẫn đôn đốc SV trong giờ thực hành hay việc tạo môi trường học tập thân thiện giữa GV và SV cũng ở mức cao ($\text{ĐTB} > 3,50$), trong

khi SV chỉ đánh giá ở mức độ trung bình ($\text{ĐTB} < 3,50$). Riêng việc phân nhóm, tổ chức thực hành đều được CBQL, GV và SV đánh giá ở mức độ thực hiện cao và hiệu quả khá ($\text{ĐTB}_{\text{mức độ}}$ và $\text{ĐTB}_{\text{hiệu quả}}$ đều lớn hơn 3,50).

2.4.4. Quản lý hoạt động tự học môn THCB của sinh viên

Ngoài việc quản lý tổ chức hoạt động học tập trên lớp, việc quản lý các hoạt động tự học của SV cũng rất quan trọng, tuy nhiên mức độ thực hiện công tác này chỉ được CBQL, GV và SV đánh giá ở mức độ trung bình ($\text{ĐTB}_{\text{GV}} = 3,30$; $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 2,94$) và hiệu quả công tác này theo ý kiến của CBQL, GV, SV cũng ở mức trung bình ($\text{ĐTB}_{\text{GV}} = 3,23$, $\text{ĐTB}_{\text{SV}} = 3,26$). Kết quả này được phản ánh cụ thể qua số liệu ở bảng 4 và bảng 5 sau đây:

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV và SV về mức độ thực hiện quản lý hoạt động tự học của SV

STT	Mức độ thực hiện	CBQL, GV		SV	
		N	%	N	%
1	Không bao giờ	2	4,3	70	15,5
2	Ít khi	5	10,6	110	24,4
3	Thỉnh thoảng	17	36,2	118	26,2
4	Thường xuyên	23	48,9	85	18,8
5	Rất thường xuyên	0	0	68	15,1
	Tổng số	47	100,0	451	100,0
	Giá trị trung bình	3,30		2,94	

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, GV và SV về hiệu quả quản lý hoạt động tự học của SV

STT	Hiệu quả thực hiện	CBQL, GV		SV	
		N	%	N	%
1	Kém	4	8,5	47	10,4
2	Yếu	5	10,6	41	9,1
3	Trung bình	17	36,2	163	36,1
4	Khá	18	38,3	146	32,4
5	Tốt	3	6,4	54	12,0
	Tổng số	47	100,0	451	100,0
	Giá trị trung bình	3,23		3,26	

2.4.4. Quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn THCB của SV (xem bảng 6)

Bảng 6. Đánh giá của CBQL, GV và SV về thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn THCB của SV

STT	Nội dung quản lý	CBQL, GV		SV	
		Mức độ thực hiện	Hiệu quả công việc	Mức độ thực hiện	Hiệu quả công việc
1	Kiểm tra lí thuyết	3,53	4,00	3,19	3,53
2	Kiểm tra thực hành	3,77	4,04	3,88	3,81
3	Đánh giá mức độ hoàn thành kết quả đạt được	3,62	3,61	3,53	3,55
	ĐTB tổng	3,64	3,88	3,53	3,63

Bảng 6 cho thấy, nhìn chung công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV được cán bộ, GV thực hiện thường xuyên và được SV ghi nhận ở mức độ cao ($\text{ĐTB}_{GV} = 3,64$; $\text{ĐTB}_{SV} = 3,53$). Hiệu quả cũng được GV và SV đánh giá ở mức độ khá ($\text{ĐTB}_{GV} = 3,88$; $\text{ĐTB}_{SV} = 3,63$). Đánh giá của CBQL và GV hầu như không có sự khác biệt ở tất cả các nội dung, ngoại trừ mức độ thực hiện kiểm tra lí thuyết thì đánh giá của GV và SV có sự khác biệt ý nghĩa ($\text{ĐTB}_{GV} = 3,53 > \text{ĐTB}_{SV} = 3,19$; $P = 0,01$) và ý kiến về hiệu quả thực hiện cũng có sự khác biệt ($\text{ĐTB}_{GV} = 4,00 > \text{ĐTB}_{SV} = 3,53$; $P = 0,02$).

2.4.4. Quản lý cơ sở vật chất phục vụ hoạt động học môn THCB của SV (xem bảng 7)

Bảng 7. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng quản lý cơ sở vật chất phục vụ hoạt động học môn THCB của SV

STT	Nội dung quản lý	Mức độ thực hiện	Hiệu quả công việc	Thứ bậc
1	Sửa chữa, nâng cấp máy tính	2,92	3,00	3
2	Xây dựng thêm phòng máy	2,81	2,81	5
3	Mua phần mềm phục vụ dạy học	2,89	3,03	4
4	Tận dụng tối đa công suất phòng máy	3,68	3,53	1
5	Trang bị thêm tài liệu ở thư viện	3,11	2,83	2
	ĐTB tổng	3,08	3,04	

Bảng 7 cho thấy mức độ thực hiện và hiệu quả công tác quản lý cơ sở vật chất phục vụ hoạt động học môn THCB của SV được CBQL và GV đánh giá ở mức trung bình ($\text{ĐTB}_{\text{mức độ}} = 3,08$ và $\text{ĐTB}_{\text{hiệu quả}} = 3,04$). Riêng việc tận dụng tối đa công suất phòng máy được đánh giá ở mức độ cao ($\text{ĐTB}_{\text{mức độ}} = 3,68$ và $\text{ĐTB}_{\text{hiệu quả}} = 3,53$ - thứ hạng 1), tiếp theo là việc trang bị thêm tài liệu ở thư viện được chú trọng ($\text{ĐTB}_{\text{mức độ}} = 3,11$ và $\text{ĐTB}_{\text{hiệu quả}} = 2,83$), còn các công việc khác như sửa chữa nâng cấp phòng máy, mua phần mềm phục vụ dạy học và xây dựng thêm phòng máy chỉ đạt ở mức độ trung bình thấp ($\text{ĐTB} < 3,0$). Điều này cho

thấy cơ sở vật chất của nhà trường vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của GV.

2.4.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động học môn THCB của SV (xem bảng 8)

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến công tác QLHD học môn THCB của SV. Đầu tiên là cơ chế QLHD học tập, tiếp theo là chương trình đào tạo, người dạy và người học, cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện học tập và một số yếu tố khác như: môi trường học tập, xu thế phát triển của công nghệ thông tin... Kết quả khảo sát được thể hiện cụ thể ở bảng 8 sau đây:

Bảng 8. Các yếu tố ảnh hưởng đến QLHD học môn THCB của SV

STT	Các yếu tố ảnh hưởng	CBQL, GV		SV	
		ĐTB	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc
1	Cơ chế QLHD học	3,43	13	3,22	13
2	Chương trình đào tạo	3,65	10	3,56	11
3	Nội dung môn học	3,95	4	3,89	7
4	Phương pháp giảng dạy	3,95	4	3,85	8
5	Năng lực, trình độ GV	4,03	2	4,09	2
6	Ý thức, thái độ, ứng xử sư phạm của giảng viên	3,86	7	4,18	1
7	Nhu cầu học tập của SV	3,78	8	4,08	4
8	Nhận thức, thái độ học tập	4,00	3	4,09	2
9	Ý thức tự học	4,16	1	3,91	6
10	CSVC, trang thiết bị hỗ trợ học tập	3,92	6	4,00	5
11	Thư viện, giáo trình	3,73	9	3,63	10
12	Môi trường bên trong	3,51	11	3,74	9
13	Môi trường bên ngoài	3,46	12	3,51	12
	ĐTB tổng	3,80		3,82	

Theo số liệu khảo sát ở bảng 8, chúng ta thấy hầu như tất cả các yếu tố ảnh hưởng đều được CBQL, GV và SV đánh giá ở mức độ ảnh hưởng cao (với ĐTB > 3,50), chỉ có hai yếu tố được đánh giá tầm ảnh hưởng ở mức trung bình đó là cơ chế QLHD học tập (ĐTB_{GV} = 3,43; ĐTB_{SV} = 3,22), còn yếu tố môi trường bên ngoài được CBQL và GV đánh giá ở mức trung bình (ĐTB_{GV} = 3,46), nhưng SV lại đánh giá ở mức cao (ĐTB_{SV} = 3,51).

CBQL, GV và SV đều thống nhất trong việc đánh giá tầm ảnh hưởng của 6 yếu tố đầu tiên từ hạng 1 đến hạng 6, tuy nhiên thứ bậc đánh giá lại khác nhau. Theo ý kiến CBQL và GV thì 6 yếu tố đó

lần lượt là: Ý thức tự học của SV (ĐTB = 4,16: thứ hạng 1); năng lực, trình độ GV (ĐTB = 4,03: thứ hạng 2); nhận thức, thái độ học tập của SV (ĐTB = 4,00: thứ hạng 3); nội dung môn học và phương pháp giảng dạy của GV (ĐTB = 3,95: đồng hạng 4), cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ học tập (ĐTB = 3,92: thứ hạng 6).

Còn theo đánh giá của SV thì các yếu tố đó xếp thứ tự như sau: Ý thức, thái độ, ứng xử sư phạm của GV (ĐTB = 4,18, thứ hạng 1); năng lực, trình độ GV (ĐTB = 4,09: thứ hạng 2); nhận thức, thái độ học tập của SV (ĐTB = 4,09: thứ hạng 2); nhu cầu học tập của SV (ĐTB = 4,08: thứ hạng 4); cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ học tập (ĐTB = 4,0: thứ hạng 5);

và ý thức tự học của SV (ĐTB = 3,91: thứ hạng 6).

Như vậy, với kết quả trên, chúng ta dễ nhận thấy rằng CBQL và GV xem yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến QLHD học là ý thức tự học của SV (thứ hạng 1), còn SV thì lại đánh giá yếu tố ý thức, thái độ, năng lực ứng xử sự phạm của GV và năng lực trình độ của GV ở tầm ảnh hưởng nhiều nhất (thứ hạng 1 và 2). Điều này cho thấy GV kì vọng vào sự tích cực và chủ động từ phía SV, còn SV thì kì vọng nhiều vào năng lực và phẩm chất của GV.

3. Kết luận

Qua khảo sát thực tế, nhìn chung, khoa Công nghệ thông tin đã thực hiện khá tốt việc giáo dục mục đích, mục tiêu, động cơ học tập đầu khóa; cán bộ GV có xây dựng kế hoạch, tổ chức QLHD học môn THCB của SV và đạt hiệu quả quản lí ở mức độ khá. GV cũng đã xây dựng

đề cương giảng dạy theo từng tuần cụ thể và việc quản lí học tập trên lớp được cả GV và SV đánh giá cao. Ngoài ra, nhà trường cũng đã tạo điều kiện học tập và trang thiết bị hỗ trợ học Tin học cho những SV đặc biệt (khiếm thị, khiếm thính). Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế, như: công tác xây dựng mục tiêu còn chưa được tốt, giáo dục mục đích, mục tiêu học tập còn chưa được chuyên sâu, chưa tạo được tình cảm học tập cho SV đối với môn học này; việc QLHD học tập ngoài giờ lên lớp của SV còn gặp nhiều khó khăn; việc phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong công tác QLHD học tập của SV cũng gặp rất nhiều trở ngại. Công tác quản lí cơ sở vật chất cũng còn hạn chế, việc sửa chữa và nâng cấp máy tính còn chưa kịp thời... Đây chính là những vấn đề mà nhà quản lí cần quan tâm hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000), *Chương trình tin học ứng dụng A,B,C*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (ban hành kèm theo Quyết định 43/2007/QĐ-BGD&ĐT 15/8/2007).
3. Trịnh Thanh Hải (2008), “Quy trình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học”, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*.
4. Quang Huy, Tín Dũng (2005), *Tin học căn bản dành cho học sinh*, Nxb Lao động – Xã hội.
5. Trần Kiếm (1997), *Quản lí giáo dục và trường học*, Viện Khoa học Giáo dục Hà Nội.
6. Hồ Văn Liên (2006), *Tổ chức quản lí giáo dục và trường học*, Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.
7. Lê Khắc Thành (1999), *Bài giảng về phương pháp dạy học Tin học*, Đại học Sư phạm Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 01-10-2013; ngày phản biện đánh giá: 07-10-2013; ngày chấp nhận đăng: 19-12-2014)